

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2018/HS -ST

Ngày: 10/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Xây; Ông Phạm Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 161/2018/TLST- HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Trung T Giới tính: Nam

- Tên gọi khác: Không

- Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1979 tại TN.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã Q, thành phố TN

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Không.

- Trình độ học vấn: 11/12.

- Con ông: Nguyễn Thanh Âm, sinh năm 1954.

- Con bà: Bùi Thị Lịch, đã chết.

- Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai.

- Vợ, con: Chưa có

- Tiền án: 02 tiền án

- Tại Bản án số 155/2006/HSST ngày 16/8/2006: Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt 08 năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tại Bản án số 45/2009/HSST ngày 10/9/2009: Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với bản án số 155/2006/HSST ngày 16/8/2006 buộc Nguyễn Trung T chấp hành 02 bản án là 06 năm 03 ngày tù. Ra trại ngày 26 tháng 01 năm 2016.

- Nguyễn Trung T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.
- Tiền sự: Không
- Nhân thân: Tại Bản án số 342 ngày 13/12/1997 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản là 200.000 đồng.
- Tại bản án số 12/2002/HSST ngày 25/01/2002: Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản là 525.000 đồng.
- Tại Bản án số 07/2004/HSST ngày 17/02/2004: Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Giá trị tài sản là 350.000 đồng.
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến nay). (Có mặt)

Người bị hại:

1. Chị Mùa Thị C, sinh năm: 1999 (Có mặt)
HKTT: Xóm B, xã T, huyện G, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ ngày 11/12/2017, Nguyễn Trung T đi bộ một mình từ khu vực trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh TN vào khu vực Ký túc xá trường Đại học Nông lâm TN thuộc xóm 10, xã Q, thành phố TN, mục đích tìm xem có ai sơ hở tài sản sẽ thực hiện hành vi chiếm đoạt. Khi đi đến khu ký túc xá K12 của trường thì Tuyến nhìn thấy chị Mùa Thị C (sinh năm 1999, HKTT: xóm B, xã T, huyện G, tỉnh DB), Mùa Thị C1 (SN: 1998, HKTT: xã Huồi Lích, huyện Mường Nhé, tỉnh DB) và Sùng Thị Dưa (SN: 1999, HKTT: Bản Chua Ta, xã Tìla Đình, huyện DB Đông, tỉnh DB) đều là sinh viên trường Đại học Khoa học TN đang đi bộ từ giảng đường 3B của trường Đại học Khoa học TN về khu ký túc xá K14 của trường Đại học Nông lâm TN. Trên đường đi, chị Cú đi phía ngoài cùng sát đường, tay phải chị Cú cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile, màu trắng, viền màu vàng là điện thoại di động của Cú đang sử dụng để soi đường đi. Thấy vậy, Tuyến nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Khi đi đến khu ký túc xá K12 của trường Đại học Nông lâm TN thì Tuyến đi bộ từ phía sau rồi vượt lên phía trước nhóm của chị Cú, đến khi cách nhóm của chị Cú khoảng 06 – 07 mét thì Tuyến bất ngờ quay lại về phía chị Cú và dùng tay phải giật mạnh lấy điện thoại của chị Cú đang cầm ở tay và bỏ chạy ngược về phía khu ký túc xá K11 của trường Đại học Nông lâm TN. Chị Cú tri hô và cùng quần chúng nhân dân đuổi theo Nguyễn Trung T. Khi chạy đến khu ký túc xá K11 của trường thì Tuyến bị anh Lý A Trống (sinh năm: 1994, HKTT: bản Chua Lú, xã Pú Nhung, huyện G, tỉnh DB) và anh Đặng Ngọc Bội (sinh năm: 1999, HKTT: xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang)

không chế bắt giữ và trình báo Công an xã Q giải quyết. Công an xã Q đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tuyên và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 394 ngày 16/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TN kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-Mobile màu trắng, bị vỡ màn hình, số IMEI: 357517071389573 đã qua sử dụng có giá trị là 200.000 đồng.

Vật chứng của vụ án:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-Mobile, màu trắng, màn hình bị vỡ, số IMEI: 357517071389573 đã qua sử dụng, hiện đã được trả lại cho chủ sở hữu là chị Mùa Thị C quản lý và sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chưa bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại bị hỏng cho bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố; Bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về việc bồi thường chiếc điện thoại bị hỏng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trung T về tội: “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt Nguyễn Trung T từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường chiếc điện thoại bị hỏng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trung T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với vật chứng đã thu giữ được và

các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi nêu trên của Nguyễn Trung T đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 136 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm”.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết nhằm răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo đã từng có 02 tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5]. Về hình phạt: Để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội và cũng là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt ví đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự nhưng hiện tại bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, không có thu nhập đã có

02 tiền án, bị cáo không có tài sản gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Q-Mobile màu trắng, bị vỡ màn hình, số IMEI: 357517071389573 đã trả lại cho người bị hại.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận với nhau về việc bồi thường chiếc điện thoại bị hỏng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). HĐXX xét thấy việc tự thỏa thuận bồi thường này là tự nguyện phù hợp với pháp luật nên ghi nhận.

[9]. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 7; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12/12/2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo bồi thường cho bị hại chiếc điện thoại bị hỏng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án, Quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời điểm thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TN.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Đồng Huy Hưởng

Nơi nhận:

- VKSNDTPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Sở tư pháp tỉnh TN
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đồng Huy Hưởng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đồng Huy Hưởng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Xây; Ông Phạm Lành

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Nguyễn Trung T phạm tội. “Cướp giật tài sản”

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án hình sự như sau:

1. Về tội danh: Nguyễn Trung T phạm tội. “Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 7; Điều 38, 48; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015.. Điều 106, 136 BLTTHS năm 2015; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; NQ 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo bồi thường cho bị hại chiếc điện thoại bị hỏng là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tr-ờng hợp bản án, Quyết định đ-ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ọc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời điểm thi hành án đ-ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. □n phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đồng Huy Hưởng

Nơi nhận:

- VKSNDTPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Sở tư pháp tỉnh TN
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Huy Hưởng